

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
CỬ NHÂN CHẤT LƯỢNG CAO

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1825 /QĐ-ĐHNH, ngày 22 tháng 12 năm 2014
của Hiệu trưởng trường Đại học Ngân hàng Tp. Hồ Chí Minh)*

1. Thông tin chung:

- Ngành đào tạo : TÀI CHÍNH – NGÂN HÀNG
- Trình độ đào tạo : Đại học
- Hình thức đào tạo : CHÍNH QUY TẬP TRUNG
- Đơn vị cấp bằng : Trường Đại học Ngân hàng TP.HCM
- Tổng số lượng tín chỉ: 129

2. Mục tiêu đào tạo

2.1. Mục tiêu chung

Sinh viên tốt nghiệp ngành Tài chính - Ngân hàng nắm vững **kiến thức nền tảng, hiện đại** về tài chính ngân hàng theo chuẩn mực quốc tế và Việt Nam; có **năng lực xây dựng và thực hiện** các kế hoạch/dự án tài chính ngân hàng cho cá nhân, tổ chức, chính phủ và các tổ chức quốc tế.

2.2. Mục tiêu cụ thể (Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo: Kiến thức, kỹ năng, thái độ - phẩm chất)

1.	KIẾN THỨC VÀ LẬP LUẬN NGÀNH	Trình độ năng lực
1.1	KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG	
1.1.1	Hiểu biết các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác- Lênin, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam và tư tưởng Hồ Chí Minh	2
1.1.2	Hiểu biết các kiến thức toán học và khoa học tự nhiên	2
1.1.3	Hiểu biết các kiến thức khoa học xã hội cơ bản	2
1.2	KIẾN THỨC CƠ SỞ KHỐI NGÀNH	
1.2.1	Hiểu biết và giải thích được các kiến thức nền tảng về kinh tế học	2
1.2.2	Hiểu và giải thích được các nguyên lý cơ bản của kế toán, thống kê	2
1.2.3	Hiểu và vận dụng các văn bản pháp lý trong lĩnh vực kinh doanh	2

1.2.4	Hiểu và giải thích được các kiến thức nền tảng về quản trị kinh doanh	2
1.2.5	Áp dụng các kiến thức khoa học tự nhiên, khoa học xã hội để nghiên cứu vấn đề kinh tế	3
1.3	KIẾN THỨC CƠ SỞ NGÀNH	
1.3.1	Hiểu biết và áp dụng các kiến thức về tài chính, ngân hàng trong nền kinh tế	3
1.3.2	Hiểu biết và áp dụng kiến thức về kế toán trong hoạt động kinh tế, tài chính, ngân hàng	3
1.4	KIẾN THỨC NGÀNH	
1.4.1	Ứng dụng kiến thức để phân tích các chính sách, thể chế, hoạt động trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng	4
1.4.2	Phân tích và xây dựng kế hoạch, dự án, chương trình tài chính của các chủ thể trong nền kinh tế	4
1.5	KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	
1.5.1	Hiểu biết và ứng dụng kiến thức vào các hoạt động tài chính chuyên sâu trong nền kinh tế	4
1.5.2	Ứng dụng kiến thức để phân tích hiệu quả hành vi tài chính của các chủ thể trong nền kinh tế	4
1.5.3	Hiểu biết và ứng dụng kiến thức vào các hoạt động kinh doanh của ngân hàng thương mại	4
1.6	KIẾN THỨC THỰC TẬP VÀ TỐT NGHIỆP	
1.6.1	Phân tích, báo cáo và thẩm định tình huống ngân hàng, tình huống tài chính cụ thể trong môi trường thực tiễn	4
1.6.2	Ứng dụng kiến thức để phân tích, nghiên cứu các tình huống cụ thể trong lĩnh vực kinh tế, tài chính, ngân hàng	4
2.	KỸ NĂNG VÀ PHẨM CHẤT CỦA CÁ NHÂN & TRONG NGHỀ NGHIỆP	
2.1	KHẢ NĂNG PHÂN TÍCH, LẬP LUẬN TƯ DUY VÀ GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ	
2.1.1	Nhận dạng và xác định một vấn đề tài chính (<i>dựa vào số liệu, thông tin, hiện tượng để định hướng phương pháp giải quyết vấn đề</i>)	4
2.1.2	Mô hình hóa vấn đề tài chính: <i>xác định các giả thiết và các yếu tố ảnh hưởng đến mô hình cũng như kết quả</i>	4
2.1.3	Kỹ năng đánh giá và phân tích định tính vấn đề	4
2.1.4	Kỹ năng phân tích vấn đề khi thiếu thông tin	3
2.1.5	Kỹ năng phân tích định lượng vấn đề	4

2.1.6	Kỹ năng giải quyết vấn đề	4
2.1.7	Đưa ra giải pháp và kiến nghị	4
2.2	NGHIÊN CỨU VÀ KHÁM PHÁ KIẾN THỨC	
2.2.1	Hình thành các giả thuyết	3
2.2.2	Tìm kiếm và tổng hợp tài liệu	4
2.2.3	Nghiên cứu thực nghiệm	4
2.2.4	Kiểm định giả thuyết	3
2.2.5	Khả năng ứng dụng nghiên cứu trong thực tiễn	4
2.2.6	Kỹ năng thu thập, phân tích và xử lý thông tin	4
2.3	TƯ DUY THEO HỆ THỐNG	
2.3.1	Tư duy chính thể/ logic	3
2.3.2	Phát hiện các vấn đề và mối tương quan giữa các vấn đề	3
2.3.3	Xác định vấn đề ưu tiên	3
2.3.4	Phân tích sự lựa chọn giữa các vấn đề và tìm ra cách giải quyết cân bằng	3
2.3.5	Tư duy phân tích đa chiều	3
2.4	CÁC KỸ NĂNG VÀ PHẨM CHẤT CỦA CÁ NHÂN	
2.4.1	Sẵn sàng đi đầu và đương đầu với rủi ro	4
2.4.2	Kiên trì	4
2.4.3	Linh hoạt	4
2.4.4	Tự tin	4
2.4.5	Chăm chỉ	4
2.4.6	Nhiệt tình và say mê công việc	4
2.4.7	Tư duy sáng tạo	3
2.4.8	Tư duy phản biện	4
2.4.9	Hiểu và phân tích được kiến thức, kỹ năng, phẩm chất và thái độ của một cá nhân khác	4
2.4.10	Khám phá và học hỏi từ cuộc sống	4
2.4.11	Quản lý thời gian và nguồn lực	4
2.4.12	Kỹ năng thích ứng với sự phức tạp của thực tế	4
2.4.13	Sự hiểu biết về các nền văn hóa khác nhau	3
2.4.14	Tinh thần tự tôn (Self-esteem)/ Tự trọng	4
2.4.15	Kỹ năng học và tự học	4
2.4.16	Kỹ năng quản lý bản thân	4

2.4.17	Kỹ năng sử dụng máy tính	4
2.5	CÁC KỸ NĂNG VÀ PHẨM CHẤT TRONG NGHỀ NGHIỆP	
2.5.1	Đạo đức nghề nghiệp (trung thực, trách nhiệm và đáng tin cậy)	4
2.5.2	Hành vi chuyên nghiệp	3
2.5.3	Kỹ năng lập kế hoạch cho nghề nghiệp tương lai	4
2.5.4	Kỹ năng tổ chức và sắp xếp công việc	4
2.5.5	Nhận thức và bắt kịp với kinh tế thế giới hiện đại	3
2.5.6	Khả năng làm việc độc lập	4
2.5.7	Tự tin trong môi trường làm việc quốc tế	4
2.5.8	Kỹ năng đặt mục tiêu	4
2.5.9	Kỹ năng tạo động lực làm việc	4
2.5.10	Kỹ năng phát triển cá nhân và sự nghiệp	4
2.5.11	Kỹ năng chăm sóc khách hàng và đối tác	4
3.	KỸ NĂNG LÀM VIỆC NHÓM VÀ GIAO TIẾP	
3.1	LÀM VIỆC THEO NHÓM	
3.1.1	Hình thành nhóm làm việc hiệu quả	4
3.1.2	Vận hành nhóm	4
3.1.3	Phát triển nhóm	4
3.1.4	Lãnh đạo nhóm	4
3.1.5	Kỹ năng làm việc trong các nhóm khác nhau	4
3.2	GIAO TIẾP	
3.2.1	Chiến lược giao tiếp	3
3.2.2	Cấu trúc giao tiếp (cách lập luận, sắp xếp ý tưởng..)	4
3.2.3	Kỹ năng giao tiếp bằng văn bản	4
3.2.4	Kỹ năng giao tiếp qua thư điện tử/các phương tiện truyền thông	4
3.2.5	Kỹ năng thuyết trình	4
3.2.6	Kỹ năng giao tiếp giữa các cá nhân	4
3.3	GIAO TIẾP BẰNG NGOẠI NGỮ	
3.3.1	Tiếng Anh - kỹ năng nghe, nói	4
3.3.2	Tiếng Anh - kỹ năng đọc, viết	4
4.	KỸ NĂNG ÁP DỤNG KIẾN THỨC VÀO THỰC TIỄN	
4.1	BỐI CẢNH XÃ HỘI VÀ MÔI TRƯỜNG BÊN NGOÀI	
4.1.1	Vai trò và trách nhiệm của nhà tài chính đối với xã hội	4

4.1.2	Nhận thức được những lợi ích của việc ứng dụng tri thức tài chính- ngân hàng vào thực tiễn xã hội	4
4.1.3	Quy định của xã hội về hoạt động tài chính, ngân hàng	4
4.1.4	Kiến thức pháp luật, lịch sử và văn hóa	4
4.1.5	Các vấn đề thời sự	4
4.1.6	Bối cảnh toàn cầu	3
4.2	BỐI CẢNH DOANH NGHIỆP VÀ KINH DOANH	
4.2.1	Sự đa dạng văn hóa doanh nghiệp	3
4.2.2	Chiến lược, mục tiêu và kế hoạch của doanh nghiệp	4
4.2.3	Mối quan hệ giữa doanh nghiệp & các vấn đề tài chính, ngân hàng	4
4.2.4	Khả năng thích ứng trong các môi trường làm việc khác nhau	4
4.3	HÌNH THÀNH Ý TƯỞNG KINH DOANH TRONG LĨNH VỰC TÀI CHÍNH- NGÂN HÀNG	
4.3.1	Thiết lập mục tiêu kinh doanh (dựa trên nhu cầu và bối cảnh xã hội)	4
4.3.2	Diễn giải các mục tiêu và yêu cầu đối với hoạt động tài chính, ngân hàng	4
4.3.3	Mô hình hóa ý tưởng kinh doanh và đảm bảo các mục tiêu đề ra có thể đạt được	4
4.3.4	Quản trị tài chính, quản trị ngân hàng thương mại	4
4.4	XÂY DỰNG PHƯƠNG ÁN/ DỰ ÁN/ CHÍNH SÁCH TÀI CHÍNH, NGÂN HÀNG	
4.4.1	Quá trình thiết kế dự án (các điều kiện thực hiện...)	4
4.4.2	Cách tiếp cận của dự án (phương pháp tiếp cận, các bước...)	4
4.4.3	Sử dụng kiến thức trong thiết kế dự án	4
4.4.4	Thiết kế dự án chuyên ngành (công cụ, phương pháp và quy trình ...)	4
4.4.5	Thiết kế dự án đa ngành (mối liên hệ giữa công cụ, phương pháp và quy trình...)	3
4.4.6	Thiết kế dự án đa mục tiêu (thiết kế quá trình thực hiện, thử nghiệm, xác định mức độ rủi ro...)	3
4.5	TRIỂN KHAI PHƯƠNG ÁN/ DỰ ÁN/ CHÍNH SÁCH TÀI CHÍNH, NGÂN HÀNG	
4.5.1	Đào tạo/ tập huấn để thực hiện phương án/ dự án/ chính sách	4
4.5.2	Lựa chọn nguồn lực thực hiện phương án/ dự án/ chính sách	3
4.5.3	Tổ chức thực hiện phương án/ dự án/ chính sách	3

4.6	ĐÁNH GIÁ PHƯƠNG ÁN/ DỰ ÁN/ CHÍNH SÁCH TÀI CHÍNH, NGÂN HÀNG	
4.6.1	Thiết kế các tiêu chuẩn đánh giá kết quả thực hiện	4
4.6.2	Đánh giá kết quả thực hiện (kinh tế-xã hội-môi trường..)	4
4.6.3	Điều chỉnh/ nâng cấp dự án/ phương án/ chính sách	4
4.6.4	Sáng tạo các dự án/ phương án/ chính sách mới	4

3. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp, sinh viên có thể khởi nghiệp kinh doanh hoặc làm việc tại các công ty, ngân hàng thương mại, định chế tài chính trung gian, tổ chức kinh tế, chính trị xã hội, cơ quan của chính phủ trong và ngoài nước.

Về vị trí công việc cụ thể, sau khi tốt nghiệp, sinh viên có thể làm việc tại các bộ phận tài chính, kiểm soát nội bộ, bộ phận nguồn vốn, bộ phận đầu tư của các doanh nghiệp, tổ chức; bộ phận kế toán, thanh toán, thẩm định, cho vay, kinh doanh ngoại hối, nguồn vốn, kiểm soát nội bộ của các ngân hàng thương mại; bộ phận môi giới, phân tích đầu tư, đầu tư, bảo lãnh phát hành của các định chế tài chính trung gian; các bộ phận kiểm soát, thanh tra, hoặc định chính sách của Ngân Hàng Nhà Nước Việt Nam, của Chính phủ, của các định chế tài chính, thương mại quốc tế.

Sinh viên tốt nghiệp cũng có thể trở thành những nghiên cứu viên ở các Trung tâm, Viện nghiên cứu; giảng viên tham gia công tác giảng dạy và nghiên cứu tại trường đại học trong và ngoài nước.

4. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường

Người học có khả năng tự học tập và rèn luyện suốt đời để hoàn thiện bản thân và đáp ứng yêu cầu thực tế của công việc.

Người học có thể học bổ sung một số học phần để đủ điều kiện nhận văn bằng cử nhân thứ hai của Đại Học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh; sinh viên có thể tham gia các chương trình đào tạo liên thông quốc tế tại một số trường đại học uy tín trên thế giới có liên kết đào tạo với Đại Học Ngân Hàng TP.HCM. Ngoài ra, sau khi học bổ sung một số môn chuyển đổi, người học có thể học các chương trình cao học về Quản trị kinh doanh, Kinh tế, Kế toán v.v... tại các trường đại học trong nước và quốc tế.

5. Các chương trình, tài liệu, chuẩn quốc tế mà nhà trường tham khảo

Chương trình đào tạo này được xây dựng dựa trên khung chuẩn đầu ra và cách tiếp cận CDIO. Quá trình xây dựng định hướng tiệm cận với các chuẩn mực quốc tế và trong tương lai gần sẽ được tổ chức Kiểm định chất lượng AUN-QA đánh giá.

Chương trình được kế thừa, phát triển từ chương trình đào tạo cử nhân ngành Tài chính – Ngân hàng của Đại học Ngân Hàng Tp. Hồ Chí Minh và có sự tham khảo chương trình đào tạo chất lượng cao ngành Tài chính- Ngân hàng của một số trường đại học khác trong nước và trên thế giới.

6. Thời gian đào tạo

Thiết kế thời gian tổ chức đào tạo là 04 năm với 08 học kỳ chính và 03 học kỳ hè. Trong các học kỳ chính, 07 học kỳ đầu sinh viên chủ yếu được học tập trên giảng đường, học kỳ cuối là học kỳ thực tập cuối khóa và thực hiện khóa luận tốt nghiệp hoặc học các

học phần thay thế. Sinh viên có thể đăng ký học lại, học cải thiện, học vượt trong các học kỳ chính và học kỳ hè. Học kỳ hè được tổ chức đào tạo theo nhu cầu của sinh viên.

Sinh viên có thể học vượt để hoàn thành chương trình trước 1,5 năm so với thời gian được thiết kế. Trong trường hợp học kéo dài thì thời gian kéo dài thêm không quá 02 năm.

Sinh viên có thể tham gia các chương trình đào tạo liên thông quốc tế của Đại học Ngân hàng Tp. HCM với các trường đại học uy tín trên thế giới. Tùy theo chương trình liên kết, thời gian học tập tại nước ngoài có thể từ 01 đến 04 học kỳ. Hoàn thành chương trình, sinh viên có thể được nhận Bằng tốt nghiệp của trường liên kết và Trường Đại học Ngân hàng Tp. Hồ Chí Minh.

Trong trường hợp không đáp ứng được các yêu cầu của chương trình hoặc theo nhu cầu cá nhân, sinh viên có thể chuyển sang học chương trình đào tạo đại trà của trường theo quy chế.

7. Khối lượng kiến thức: Không kể các học phần Giáo dục thể chất (5 đvtc) và Giáo dục quốc phòng (8 đvtc) được tổ chức đào tạo theo quy định. Khối lượng kiến thức của Chương trình đào tạo chất lượng cao gồm:

- Khối kiến thức Giáo dục đại cương và chuyên nghiệp: 129 đvtc
- Khối kiến thức tiếng Anh tăng cường: 20 đvtc
- Chương trình huấn luyện kỹ năng mềm: 08 đvtc

8. Đối tượng tuyển sinh: Sinh viên đã trúng tuyển trong kỳ thi tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hàng năm vào các ngành/khối ngành đào tạo tại Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh.

9. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp: Thực hiện theo các quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh về đào tạo chất lượng cao trình độ đại học.

10. Kết cấu chương trình đào tạo

TT	CẤU TRÚC CHƯƠNG TRÌNH	Số tín chỉ	Trọng số (%)
1	KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG & CƠ SỞ KHỐI NGÀNH	55	42.6%
1.1	Kiến thức giáo dục đại cương	23	17.8%
1.2	Kiến thức cơ sở khối ngành	32	24.8%
2	KIẾN THỨC CƠ SỞ NGÀNH, NGÀNH VÀ CHUYÊN NGÀNH	62	48.1%
2.1	Kiến thức cơ sở ngành	21	16.3%
2.2	Kiến thức ngành	20	15.5%
2.3	Kiến thức chuyên ngành	15	11.6%

2.4	Kiến thức bổ trợ, tự chọn	6	4.6%
3	HỌC PHẦN THỰC TẬP CUỐI KHÓA VÀ KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP	12	9.3%
3.1	Học phần thực tập cuối khóa/ Internship	3	2.3%
3.2	Học phần khóa luận tốt nghiệp/ Research Paper	9	7.0%
	TỔNG CỘNG	129	100.0%

11. Chương trình đào tạo

TT	TÊN HỌC PHẦN	Số tín chỉ
1	KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG & CƠ SỞ KHỐI NGÀNH	55
1.1	Kiến thức giáo dục đại cương	23
1.1.1	Các môn lý luận chính trị	10
1.1.1.1	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin 1/ <i>Basics of Marxism and Leninism 1</i>	2
1.1.1.2	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin 2/ <i>Basics of Marxism and Leninism 2</i>	3
1.1.1.3	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng Sản Việt Nam/ <i>Revolutionary Line of the Communist Party of Vietnam</i>	3
1.1.1.4	Tư tưởng Hồ Chí Minh/ <i>Ideologies of Ho Chi Minh</i>	2
1.1.2	Các môn khoa học cơ bản	11
1.1.2.1	Toán cao cấp 1/ <i>Advanced Mathematic 1 (Đại số tuyến tính/ Linear Algebra)</i>	2
1.1.2.2	Toán cao cấp 2/ <i>Advanced Mathematic 2 (Giải tích/ Analysis)</i>	2
1.1.2.3	Lý thuyết xác suất và thống kê toán/ <i>Probability and Statistics</i>	3
1.1.2.4	Mô hình toán kinh tế/ <i>Mathematical models in economics</i>	2
1.1.2.5	Lý luận về nhà nước và pháp luật/ <i>Arguments for State and Law</i>	2
1.1.3.6	Tâm lý học/ <i>Psychology</i>	2
1.1.4	Giáo dục thể chất - quốc phòng (không tính số tín chỉ vào chương	13

	<i>trình đào tạo)</i>	
1.1.4.1	Giáo dục thể chất/ <i>Physical Education</i>	5
1.1.4.2	Giáo dục quốc phòng – an ninh/ <i>Defense - Security Education</i>	8
1.2	Kiến thức cơ sở khối ngành	32
1.2.1	Kinh tế học vi mô/ <i>Microeconomics</i>	3
1.2.2	Kinh tế học vĩ mô/ <i>Macroeconomics</i>	3
1.2.3	Nguyên lý thống kê/ <i>Principles of Statistic</i>	2
1.2.4	Nguyên lý kế toán/ <i>Principles of Accounting</i>	3
1.2.5	Kinh tế học quốc tế/ <i>International Economics</i>	3
1.2.6	Luật kinh doanh/ <i>Business Law</i>	3
1.2.7	Quản trị học/ <i>Fundamental of Management</i>	2
1.2.8	Nguyên lý Marketing/ <i>Principles of Marketing</i>	2
1.2.9	Tin học ứng dụng/ <i>Applied Informatics</i>	3
1.2.10	Kinh tế lượng/ <i>Econometrics</i>	3
1.2.11	Phương pháp nghiên cứu khoa học/ <i>Research Method</i>	2
1.2.12	Lịch sử các học thuyết kinh tế/ <i>History of Economic Theories</i>	3
2	KIẾN THỨC CƠ SỞ NGÀNH, NGÀNH VÀ CHUYÊN NGÀNH	62
2.1	Kiến thức cơ sở ngành	21
2.1.1	Lý thuyết tài chính – tiền tệ/ <i>Financial and Monetary Theory</i>	3
2.1.2	Thị trường tài chính và các định chế tài chính/ <i>Financial Markets and Institutions</i>	3
2.1.3	Tài chính doanh nghiệp/ <i>Corporate Finance</i>	3
2.1.4	Kế toán tài chính 1/ <i>Financial Accounting 1</i>	3
2.1.5	Tài chính công ty đa quốc gia/ <i>Multinational Corporation Finance</i>	3
2.1.6	Anh văn chuyên ngành 1/ <i>English for Specific Purposes 1</i>	3
2.1.7	Anh văn chuyên ngành 2/ <i>English for Specific Purposes 2</i>	3
2.2	Kiến thức ngành	20

2.2.1	Hoạt động kinh doanh ngân hàng/ <i>Banking Operations</i>	3
2.2.2	Phân tích tài chính doanh nghiệp/ <i>Corporate Finance Analysis</i>	3
2.2.3	Thuế/ <i>Taxation</i>	3
2.2.4	Marketing dịch vụ tài chính/ <i>Financial Services Marketing</i>	3
2.2.5	Thiết lập và thẩm định dự án đầu tư/ <i>Projects Appraisal</i>	3
2.2.6	Quản trị ngân hàng thương mại/ <i>Commercial Banking Management</i>	3
2.2.7	Kinh tế lượng ứng dụng/ <i>Applied Econometrics</i>	2
2.3	Kiến thức chuyên ngành	15
2.3.1	Thanh toán quốc tế/ <i>International Payment</i>	3
2.3.2	Tín dụng ngân hàng/ <i>Bank Lending</i>	3
2.3.3	Đầu tư tài chính/ <i>Finance Investment</i>	3
2.3.4	Quản lý danh mục đầu tư/ <i>Portfolio Management</i>	3
2.3.5	Nghiệp vụ ngân hàng đầu tư/ <i>Investment Banking</i>	3
2.4	Các môn bổ trợ, tự chọn thuộc kiến thức ngành, chuyên ngành: chọn 02 học phần trong 06 học phần sau đây để tích lũy	6
2.4.1	Kế toán ngân hàng/ <i>Banking Accounting</i>	3
2.4.2	Kế toán quản trị/ <i>Management Accounting</i>	3
2.4.3	Đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp/ <i>Business Ethics and Organizational Culture</i>	3
2.4.4	Khởi nghiệp kinh doanh/ <i>Entrepreneurship</i>	3
2.4.5	Kinh doanh ngoại hối/ <i>Foreign Exchange Trading</i>	3
2.4.6	Bảo hiểm/ <i>Insurance</i>	3
3	HỌC PHẦN THỰC TẬP CUỐI KHÓA VÀ KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP	12
3.1	Học phần thực tập cuối khóa/ <i>Internship</i>	3
3.2	Học phần khóa luận tốt nghiệp/ <i>Research Paper</i>	9

12. Hướng dẫn thực hiện chương trình

1. Các môn học thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương và chuyên nghiệp được tổ chức giảng dạy trên cơ sở nâng cao, mở rộng so với Chương trình đào tạo đại trà và được giảng viên thể hiện cụ thể trong đề cương và kế hoạch thực hiện môn học.
2. Các môn học có yêu cầu thực hành, thực tập, nghiên cứu thực tế được tổ chức lồng ghép trong quá trình tổ chức giảng dạy môn học hoặc sau khi kết thúc môn học.
3. Ít nhất 20% khối lượng kiến thức ngành và chuyên ngành (tương đương 3 – 4 môn học) được tổ chức giảng dạy trực tiếp bằng tiếng Anh. Sinh viên được yêu cầu viết khóa luận tốt nghiệp, trong đó tối thiểu phần tóm tắt khóa luận (tối thiểu 28 dòng trên 4 trang giấy khổ A4) được thể hiện bằng tiếng Anh.
4. Chuẩn Tin học sau khi kết thúc năm thứ I là trình độ A (để được học tiếp Tin học ứng dụng ở học kỳ III, IV). Chuẩn tin học đầu ra là chứng chỉ tin học trình độ B theo chuẩn quốc gia.
5. Chương trình tiếng Anh tăng cường được tổ chức giảng dạy thành 5 học phần trong 2 năm đầu của khóa học, mỗi học phần có 4 đvtc kết hợp 4 kỹ năng: nghe, nói, đọc viết từ cấp độ thấp đến cao theo chuẩn IELTS hoặc tương đương.
 - Kết thúc giai đoạn đại cương, trình độ tiếng Anh phải đạt tối thiểu theo bậc cấp độ 3/6 (hoặc tương đương) theo quy định khung năng lực 6 bậc của Việt Nam (**IELTS 4.5**);
 - Chuẩn tiếng Anh đầu ra phải đạt tối thiểu theo bậc cấp độ 4/6 (hoặc tương đương) theo quy định khung năng lực 6 bậc của Việt Nam (**IELTS 5.5**).

HIỆU TRƯỞNG



NGUT.PGS.TS. Lý Hoàng Anh